

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/DS-ST

Ngày 27-9-2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoan;

2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Thắng, Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2017/TLST- DS ngày 29/6/2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2017/QĐXXST- DS ngày 30/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1961 “có mặt”

Địa chỉ: Thôn S 2, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: - Anh Giáp Văn T, sinh năm 1973 “vắng mặt”

- Chị Trương Thị Đ, sinh năm 1975 “vắng mặt”

Cùng địa chỉ: Thôn S 2, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề tháng 5/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Lê Văn C trình bày: Ngày 16/3/2016 âm lịch (tức 22/4/2016 dương lịch) ông đã cho vợ chồng anh Giáp Văn T và chị Trương Thị Đ ở thôn S 2, xã L, huyện N vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận theo lãi suất của Ngân hàng, không hạn ngày thanh toán và có lập một giấy vay tiền ghi ngày 16/3/2016. Số tiền này là tiền ông nhờ ông Biên vay Ngân hàng hộ vì ông Biên là trưởng nhóm vay vốn của thôn S. Từ khi vay đến nay anh T đã trả tiền lãi cho ông Biên thay ông được

3.640.000 đồng là trả lãi của 07 tháng từ ngày 16/3/2016 (tức 22/4/2016 Dương lịch) đến ngày 29/11/2016. Ông nhất trí số tiền 3.640.000 đồng là tiền trả lãi cho ông và được trừ vào số tiền lãi anh T phải thanh toán. Ông đã nhiều lần thông báo cho anh T, chị Đ thanh toán trả ông tiền nhưng anh T, chị Đ chưa trả. Nay ông yêu cầu anh T, chị Đ trả ông số tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 30/11/2016 dương lịch đến khi xét xử sơ thẩm (10 tháng) là 5.000.000 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh bằng 10%/năm trên số tiền chậm thi hành án. Số tiền ông cho anh T, chị Đ vay không liên quan đến bà Bùi Thị Chiến là vợ ông. Việc vay tiền có cả anh T và chị Đ biết.

Tại biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo bị đơn, anh Giáp Văn T trình bày: Ngày 16/3/2016 anh có vay của ông Lê Văn C số tiền 50.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận đến tháng 6 hoặc tháng 7/2016 thì anh phải thanh toán trả ông C số tiền trên, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Nay ông C khởi kiện vợ chồng anh phải thanh toán trả tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1%/tháng anh không nhất trí. Anh chỉ đồng ý trả gốc 50.000.000đ. Quá trình vay anh đã trả ông Biên là tổ trưởng vay vốn thay cho ông C được 3.700.000 đồng, anh đề nghị trừ vào tiền gốc nên số tiền anh chỉ còn nợ ông C là 46.300.000 đ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2017 bị đơn, chị Trương Thị Đ trình bày: Chị nhất trí với lời khai của anh T chồng chị, chị không bổ sung thêm gì.

Tại phiên tòa anh T, chị Đ vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh T, chị Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, khoản 5 Điều 474, Điều 476 BLDS 2005, Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C.
2. Buộc vợ chồng anh Giáp Văn T và chị Trương Thị Đ thanh toán trả ông Lê Văn C số tiền gốc 50.000.000đ tiền gốc và 3.712.500 đồng tiền lãi và tiếp tục tính lãi chậm trả.
3. Anh T, chị Đ phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật. Trả lại ông C số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T và chị Đ nhưng tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt nên HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228 xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Ngày 16/3/2016 âm lịch (tức 22/4/2016 dương lịch) ông C đã cho anh T, chị Đ vay số tiền 50.000.000đ, hai bên có viết giấy vay tiền ghi ngày 16/3/2016, lãi suất thỏa thuận theo lãi suất của Ngân hàng, vay không có thời hạn thanh toán. Nguồn tiền ông C cho anh T, chị Đ vay là do ông C nhận vay của ông Biên. Căn cứ lời khai của ông C và ông Biên thì sau khi vay anh T đã trả ông Biên thay cho ông C được số tiền lãi là 3.640.000 đồng. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của ông C yêu cầu anh T, chị Đ thanh toán tiền gốc vay là 50.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Ông C yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng nhưng căn cứ giấy vay tiền ngày 16/3/2016 thì các đương sự thỏa thuận lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng. Do vậy không xác định rõ được về lãi suất nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông C đề nghị tính lãi 1%/tháng mà chỉ có căn cứ tính lãi = 0,75%/tháng theo lãi suất của Ngân hàng là phù hợp. Số tiền 3.640.000 anh T đã trả ông C được trừ vào số tiền lãi phải thanh toán.

Số tiền lãi được tính từ ngày vay 16/3/2016 âm lịch (tức 22/4/2016 dương lịch) đến khi xét xử sơ thẩm là $50.000.000đ \times 0,75\% \times 17 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} = 6.437.500đ - 3.640.000đ \text{ tiền lãi đã trả} = 2.797.500đ$.

Anh T chỉ chấp nhận trả ông C 46.300.000 đồng tiền gốc không nhất trí trả lãi là không có căn cứ chấp nhận. Do vậy cần áp dụng các Điều 471, khoản 1 Điều 476, khoản 2 Điều 477 BLDS 2005 và khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 để giải quyết vụ án. Buộc anh T, chị Đ phải thanh toán trả ông C số tiền gốc và lãi là 52.797.500 đồng.

Anh T, chị Đ còn phải trả lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm trên số tiền phải thi hành.

Về án phí: Do yêu cầu của ông C được chấp nhận nên ông C không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả ông C số tiền 1.300.000 đ đã nộp tạm ứng án phí.

Anh T, chị Đ phải chịu 2.639.875 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

□p dụng các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, khoản 1 Điều 476, khoản 2 Điều 477 BLDS 2005; khoản 2 Điều 468 BLDS 2015. Xử:

1. Buộc anh Giáp Văn T và chị Trương Thị Đ phải thanh toán trả ông Lê Văn C tổng số tiền gốc và lãi là 52.797.500 đồng (Năm mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm đồng). Trong đó 50.000.000 đồng tiền gốc và 2.7975.00 đồng tiền lãi.

2. Về án phí: Anh T, chị Đ phải chịu 2.639.875 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông C số tiền 1.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002554 ngày 29/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của BLDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ được tổng đạt hợp lệ bản án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Chung Bùi Hà Bắc

Tạ Thị Thu Thủy

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Thu Thủy

